

Phụ lục VI
ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG ĐỐI VỚI THỦY SẢN GIỐNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Tên loại thủy sản giống	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường	Ghi chú
1	Cá tra giống	đồng/kg	38.000	
2	Cá lóc giống	đồng/kg	100.000	
3	Cá trê phi giống	đồng/kg	40.000	
4	Cá trê vàng giống	đồng/kg	80.000	
5	Cá hô giống	đồng/con	10.000	
6	Cá rô phi giống	đồng/kg	35.000	
7	Cá điêu hồng giống	đồng/kg	28.000	
8	Cá chim trắng giống	đồng/con	1.000	
9	Cá basa giống	đồng/con	2.000	
10	Cá ét giống	đồng/con	6.000	
11	Cá he giống	đồng/kg	43.000	
12	Cá mè vinh giống	đồng/kg	47.000	
13	Cá chép giống	đồng/kg	70.000	
14	Cá tai tượng giống	đồng/con	4.000	
15	Lươn giống	đồng/con	4.000	
16	Baba giống	đồng/con	5.000	
17	Ếch giống	đồng/con	600	
18	Tôm càng xanh giống toàn đực	đồng/con	180	
19	Cá chạch lấu giống	đồng/con	6.000	
20	Cá nàng hai giống	đồng/con	2.000	
21	Cá rô đồng giống	đồng/kg	100.000	
22	Cá hú giống	đồng/con	4.000	
23	Cá sặc rần giống	đồng/kg	75.000	
24	Cá lăng nha giống	đồng/con	2.000	
25	Cá vồ đêm giống	đồng/con	2.000	
26	Cá leo giống	đồng/con	8.000	
27	Cá mè hôi giống	đồng/con	8.000	
28	Cá cóc giống	đồng/con	8.000	
29	Tôm sú giống	đồng/con	165	
30	Tôm thẻ chân trắng	đồng/con	129	
31	Cua biển	đồng/con	250	
32	Cá chột (trắng, sọc, giấy, cò)	đồng/con	150	
33	Cá mú (cọp, trăn châu, nghệ,...)	đồng/con	15.000	
34	Cá mú (sao, chuột)	đồng/con	35.000	
35	Cá bớp biển (cá giò)	đồng/con	24.000	
36	Cá chêm/cá vược	đồng/con	5.000	